

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC,
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2023/DS-ST
Ngày 21-8-2023
V/v đòi lại tài sản

**NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Tạ Xuân Chiến.
- Ông Nguyễn Đình Phương.

Thư ký phiên tòa: Ông Tô Tấn Cường, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2023, về việc đòi lại tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 201/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2023; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn K, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn K, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Ngọc X, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn K, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 9 năm 2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày: Vào ngày 06 tháng 6 năm 2014, chị Nguyễn Thị Hồng T có mượn của bà 1 chỉ vàng y 24k hẹn đến ngày 10 tháng 10 năm 2014 thì trả đủ; nếu đến hạn mà không trả thì chị T đưa cho bà C làm đám ruộng gò lác diện tích 03 sào, đến khi T trả được ½ cho bà thì bà trả lại ruộng cho chị T. Tuy nhiên đến hạn mà chị T cũng không trả nên hai bên thống nhất chị T giao cho bà đám ruộng 01 sào để cầm trừ số vàng đã mượn, việc chị T mượn vàng chồng chị T không biết. Đến khi cầm trừ bằng đám ruộng 01 sào của chồng chị T thì chồng của T mới biết. Sau khi cầm trừ xong thì chị T còn nợ lại bà 0 chỉ, từ đó đến nay T không trả nên bà yêu cầu Tòa án giải

quyết buộc chị T trả cho bà 5 chỉ vàng 24K. Tại phiên tòa, bà đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện.

Theo bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng T trình bày: Chị T thừa nhận việc vay mượn và cần trừ nợ như bà C trình bày. Sau khi cần trừ xong thì chị còn nợ lại bà C 05 chỉ, từ đó đến nay chị chưa trả vì bản thân đang mang bệnh hiểm nghèo. Nay bà C đòi thì chị đồng ý trả mỗi năm 01 chỉ, trả cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Ngọc X vắng mặt, theo bản tự khai ông X trình bày: Ông là chồng bà C, ông thống nhất với ý kiến, yêu cầu của của vợ ông. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thời hiệu khởi kiện và quan hệ tranh chấp: Việc vay mượn tiền được xác lập bằng giấy mượn vàng vào ngày 06 tháng 6 năm 2014 hạn thời hạn vay là đến ngày 10 tháng 10 năm 2014, đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng dân sự, thời hiệu khởi kiện là 03 năm theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự 2015. Đến ngày 20 tháng 9 năm 2022 bà Nguyễn Thị C khởi kiện và tại phiên tòa, bà C đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện nên quan hệ tranh chấp được xác định là đòi lại tài sản và không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 155 Bộ luật dân sự 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị T có địa chỉ cư trú tại thôn K, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

[3] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Ngọc X đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Ngày 06 tháng 6 năm 2014, chị Nguyễn Thị Hồng T có mượn và viết giấy mượn bà Nguyễn Thị C 11 chỉ vàng y 24k, thời hạn đến ngày 10 tháng 10 năm 2014 thì trả. Đến hạn nhưng T không thực hiện trả được nên hai bên thống nhất T giao cho bà C đám ruộng 01 sào của chồng để cần trừ số vàng đã mượn. Tại phiên tòa, chị T và bà C thống nhất chị T còn nợ lại 05 chỉ vàng 24K. Đây là tình tiết sự việc không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị T yêu cầu được trả nợ dần nhưng không được bà C chấp nhận. Do đó, áp dụng Điều 166 của Bộ luật dân sự, buộc chị T trả 01 lần cho bà C, ông X 05 chỉ vàng 24K.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và

lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị Hồng T phải chịu (5 chỉ x 5.400.000 đồng/chỉ) x 5% = 1.350.000 đồng. Bà C không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 166, khoản 2 Điều 155, Điều 429, Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Buộc chị Nguyễn Thị Hồng T trả cho bà Nguyễn Thị C 05 (năm) chỉ vàng y 24k.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Chị T phải chịu 1.350.000 (một triệu ba trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông X vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Tuy Phước;
- CCTHADS H. Tuy Phước;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lệ Quyên